

## NGHIÊN CỨU TRI THỨC BẢN ĐỊA NHẪM BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN SÂM LAI CHÂU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Nguyễn Thanh Sơn<sup>1\*</sup>, Phạm Quang Tuyền<sup>1</sup>, Hoàng Thanh Sơn<sup>1</sup>, Bùi Thanh Tân<sup>1</sup>,  
Trịnh Ngọc Bon<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Vân Anh<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Hoài Anh<sup>1</sup>, Phạm Tiến Dũng<sup>1</sup>,  
Patrick Nykiel<sup>2</sup>, Hà Thanh Tùng<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Lâm sinh

<sup>2</sup> Independent Researcher/Australian International Volunteer

<sup>3</sup> Lớp Cao học 25A, Trường Đại học Lâm nghiệp

### TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm tổng hợp tri thức bản địa về nhận dạng đặc điểm hình thái, các giai đoạn phát triển, cách gây trồng, chế biến, sử dụng và công dụng của Sâm lai châu (SLC). Kết quả phỏng vấn người dân bản địa tại Lai Châu cho thấy (1) Về nhận dạng: SLC có chiều cao lên tới 1 m nhưng thường gặp là nhỏ hơn 50 cm, là cây lá rộng dạng lá kép mỗi lá kép thường có 5 lá chét. Mép lá hình răng cưa, bề mặt lá có lông (ở Phong Thổ) hoặc không có lông (ở Sin Hồ). Chiều dài lá chét dao động từ 10 cm (ở Sin Hồ) đến 15 cm (ở Phong Thổ). Thân cây có màu xanh hoặc màu đỏ tím, hoa lúc đầu mang màu xanh khi nở có màu trắng, quả có màu xanh khi chín chuyển sang màu đỏ; (2) Về các giai đoạn phát triển: SLC ra chồi và lá vào tháng 2 - 5, ra hoa tháng 4 - 8 (hoa nở rộ vào tháng 6) và ra quả tháng 6 - 9, quả chín vào tháng 10; (3) Điều kiện gây trồng: SLC mọc ở cả rừng giàu, rừng nghèo, trên các nương thảo quả và được trồng trong cả vườn hộ với độ tàn che lớn hơn 0,5 trên đất màu đen hoặc màu vàng, cây con đem trồng tốt nhất có chiều cao 10 - 20 cm; (4) Chế biến và sử dụng: các sản phẩm của SLC đa số được người dân bán tươi không qua sơ chế hoặc chế biến, chỉ một số ít người biết bảo quản để dùng cho gia đình bằng cách treo trên gác bếp; SLC được người dân địa phương dùng để chữa trị vết thương ngoài da, bồi bổ cho người gầy yếu, chữa đau dạ dày, dùng cho phụ nữ sau sinh và một số bệnh khác...

**Từ khóa:** Bảo tồn,  
Sâm lai châu, tri thức  
bản địa.

### Study of indigenous knowledge for the purpose of conservation and development of *Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus* K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai in Lai Chau province

**Keywords:**  
Conservation, *Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus* K. Komatsu, S. Zhu & S. Q. Cai, indigenous knowledge.

This study aims to collect indigenous knowledge on the *Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus* K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai plant including its identification characteristics, seasonal growth stages, habitat, processing and use as well as its applications. The results of interviews with indigenous people show that: (1) The identification characteristics of *Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus* are of plants to 1 m in height with a typical mature height of 50 cm, broad leaved with 5 leaves per petiole. Leaf edge is serrated, leaf surface has hairy in the Phong Tho district but hairless in Sin Ho district. Leaf length were from 10 cm in length (Sin Ho) to 15 cm in length (Phong Tho). The stem are green with green flower buds, emerging as white. Fruit are green turning red when ripe; (2) The seasonal growth cycle of the *Panax* species sees shoots and leaves in

February - May, flowering in April - August peaking in June, with fruit formation June - September ripening in October; (3) The ideal habitat was found to include natural forest, degraded forest, agricultural land alongside plantings of *Amomum aromaticum* Roxb., as well as household gardens. Suitable top soil was described to be black or yellow in colour, located in humid full and/or part shade (canopy cover > 50%) and the best height of tree for planting 10 - 20 cm; (4) With regard to the processing and use of the species, most people sell the plant fresh without preliminary processing, only some people dried the plant by hanging it in the chimney over the kitchen fire for storage and later use, interviewees identified the medicinal value for; skin injuries, as a tonic for people with general weakness or thin stature, abdominal pain, postpartum women, and some other diseases.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây ở Việt Nam, cụm từ “Tri thức bản địa” (Indigenouse Knowledge) hay còn được gọi là Tri thức địa phương (Local Knowledge) được sử dụng trong một số công trình nghiên cứu về nông - lâm nghiệp và y học cổ truyền (<http://yhocbandia.vn>). Tri thức bản địa (TTBĐ) có vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của các dân tộc thiểu số, đặc biệt là trong lĩnh vực gây trồng, bảo tồn và phát triển các loài cây dược liệu quý, hiếm có phân bố tự nhiên trong vùng như cây Sâm lai châu (SLC).

Chi Sâm (*Panax*) theo Nguyễn Tập (2005) có 5 loài được thừa nhận ở Việt Nam gồm Tam thất hoang (*P. stipuleanatus*), Sâm vũ diệp (*P. bipinnatifidus* Seem.), Sâm việt nam (*Panax vietnamensis* Ha & Grushv), Giả nhân sâm (*P. pseudogingseng* Wallich) là loài cây trồng nhiều ở Hà Giang và Nhân sâm (*P. gingseng* C.A.Mey) được trồng nhiều ở Sa Pa, Lào Cai. Phan Kế Long và đồng tác giả (2013) đã ghi nhận phân bố thứ (*P. vietnamensis* var. *fuscidicus* K. Komatsu, S. Zhu & S.Q. Cai) vốn được phát hiện trước đó ở Vân Nam (Trung Quốc). Thứ này có phân bố tại Mường Tè, Tam Đường, Sìn Hồ và Phong Thổ (Lai Châu) nên được đặt tên là Sâm lai châu. Theo Nguyễn Thị Phương Trang và đồng tác giả (2016) thì sâm thu ở Lai Châu (*P. vietnamensis* var. *fuscidicus*) thuộc cùng một nhóm và có

quan hệ di truyền gần gũi nhất với loài Sâm ngọc linh (*P. vietnamensis*) với mức độ tương đồng di truyền lên tới 98,2%. Điều này cho thấy SLC là một trong các loài dược liệu rất quý, cần được bảo tồn và phát triển nhằm góp phần cải thiện cuộc sống của người dân trong vùng.

Để có cơ sở cho việc bảo tồn và phát triển SLC tại tỉnh Lai Châu, việc nghiên cứu tri thức bản địa về SLC được thực hiện nhằm tổng hợp các tri thức bản địa về nhận dạng hình thái, các giai đoạn phát triển, cách gây trồng, chế biến, sử dụng và công dụng của nó, góp phần cho công tác bảo tồn và phát triển SLC trên địa bàn Lai Châu. Nghiên cứu này là một phần kết quả của đề tài: “Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và trồng cây Sâm lai châu (*Panax vietnamensis* var. *fuscidicus* K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai)” thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc, mã số KH-CN - TB.16C/13 - 18 do Viện Nghiên cứu Lâm sinh, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thực hiện trong giai đoạn 2017 - 2018.

## II. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đặc điểm khu vực nghiên cứu

Địa bàn nghiên cứu nằm trong tọa độ địa lý từ 21°51' (phía Nam huyện Sìn Hồ) đến 22°49 vĩ độ Bắc (phía Bắc huyện Phong Thổ) và 103°04' (phía Tây huyện Sìn Hồ) đến 103°45'

kinh độ Đông (phía Đông huyện Tam Đường) gồm các huyện Tam Đường, Sìn Hồ và Phong Thổ. Nơi đây được bao bọc ở phía Đông Bắc bởi dãy Hoàng Liên Sơn kéo dài hơn 80 km với đỉnh Phan Xi Păng cao trên 3.100 m và ở phía Đông Nam bởi dãy Pu Sam Cáp dài khoảng 60 km có độ cao (1.300 - 1.700 m). Khu vực này có sự đa dạng về các dân tộc sinh sống, phổ biến là các dân tộc như dân tộc H'Mông, Dao, Thái, Kinh,... (www.laichau.gov.vn; www.sokhdt.laichau.gov.vn).

Nhiệt độ trung bình năm vùng này dao động từ 16,3 - 22°C, trong đó nhiệt độ trung bình năm tại Tam Đường là 19,6°C, Sìn Hồ là 16,3°C và Phong Thổ là 22°C. Lượng mưa bình quân hàng năm trong khu vực này khá cao, ở Tam Đường là 2.379 mm, Sìn Hồ là 2.734 mm và Phong Thổ là 2.226 mm. Độ ẩm trung bình năm tại Tam Đường là 83,45%, Sìn Hồ là 83,29% và Phong Thổ là 84,34%.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Kế thừa các tài liệu, kết quả nghiên cứu khoa học đã có liên quan đến SLC bao gồm các báo cáo khoa học, bài báo khoa học, các bản tin trên website của địa phương...

- Khảo sát hiện trường kết hợp phỏng vấn các thành phần liên quan và thu mẫu tại các huyện Tam Đường, Sìn Hồ và Phong Thổ. Thành phần phỏng vấn bao gồm cán bộ làm công tác quản lý tại các huyện (Phòng NN & PTNT; Ban quản lý rừng và Hạt kiểm lâm) mỗi đơn vị 1 người đại diện; cán bộ quản lý cấp xã (mỗi xã phỏng vấn 1 - 2 người) và phỏng vấn hộ gia đình/huyện đại diện cho các thành phần dân tộc hiện có trong vùng (dân tộc Kinh phỏng vấn 14 người, dân tộc H'Mông phỏng vấn 35 người, dân tộc Dao phỏng vấn 36 người và dân tộc Thái là 5 người). Ngoài ra tại mỗi huyện tiến hành phỏng vấn 3 người thu gom SLC để thu thập các thông tin liên quan. Phiếu phỏng vấn được thiết kế phù hợp cho từng đối tượng

(thiết kế 3 bộ phiếu cho 3 đối tượng là người quản lý; hộ gia đình có gây trồng hoặc khai thác SLC; và người thu mua SLC). Câu hỏi được thiết kế trong phiếu phỏng vấn dưới dạng bán định hướng với các nội dung liên quan đến nhận dạng hình thái, các giai đoạn phát triển, cách gây trồng, chế biến, sử dụng và công dụng của SLC.

- Sử dụng các phần mềm SPSS và Excel để tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

Kết quả phỏng vấn cho thấy, người dân tộc Dao và H'Mông có hiểu biết nhiều hơn về SLC và họ cũng có các tên gọi khác nhau cho SLC như người H'Mông gọi SLC là San sừ, người Dao gọi là Tam sứt hoặc Phan siết. Người dân tộc Kinh tham ra nhiều hơn với vai trò là người thu gom, trong khi đó người dân tộc Thái thì hầu như không nhận dạng được về SLC.

**3.1. Tri thức bản địa về nhận dạng SLC**

**a. Nhận dạng đặc điểm hình thái cây**

- Về chiều cao cây: SLC được 37,8% số người trả lời phỏng vấn khẳng định có chiều cao nhỏ hơn 50 cm, trong khi đó có 11,1% số người khẳng định chiều cao của SLC từ 50 - 100, số còn lại 51,1% chưa khẳng định được đặc điểm này.

- Về hình thái lá: Kết quả phỏng vấn cho thấy có 37,8% số người khẳng định SLC là cây lá rộng, dạng lá kép. Có 18,9% số người khẳng định có 3 - 5 lá chét trên một cuống lá và 15,6% số người khẳng định có 5 - 7 lá chét trên một cuống lá và có 27,8% số người khẳng định mép lá SLC có hình răng cưa.

- Về hình dạng quả: Có 30,0% số người khẳng định quả SLC có dạng chùm và 20,0% số người khẳng định là quả SLC dạng hình tròn.

**Bảng 1.** Kết quả phỏng vấn đặc điểm nhận dạng về hình thái SLC

Đặc điểm	Nhận định của người dân	Số người	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm	Nhận định của người dân	Số người	Tỷ lệ (%)
Chiều cao cây	$H_{vn} \leq 50$ cm	34	37,8	Mép của lá chết	Mép lá hình răng cưa	25	27,8
	$H_{vn} = 50 - 100$ cm	10	11,1		Mép lá phẳng	4	4,4
	Chưa gặp nhiều	46	51,1		Không để ý	61	67,8
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
Dạng lá	Lá rộng	34	37,8	Chiều dài lá chết	Dài $\leq 10$ cm	16	17,8
	Lá kim	0	-		Dài = 10 - 15 cm	16	17,8
	Khác	56	62,2		Khác	58	64,4
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
Kiểu lá	Lá kép	34	37,8	Chiều rộng lá chết	Rộng $\leq 5$ cm	25	27,8
	Lá đơn	1	1,1		Rộng $> 5$ cm	4	4,4
	Khác	55	61,1		Khác	61	67,8
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
Số lá chết	Số lá chết 3 - 5	17	18,9	Dạng quả	Chùm	27	30,0
	Số lá chết 5 - 7	14	15,6		Chưa gặp cây có quả	4	4,4
	Không để ý	59	65,6		Khác	59	65,6
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
Bề mặt lá chết	Mặt lá có lông	14	15,6	Hình quả	Quả hình tròn	18	20,0
	Mặt lá không có lông	11	12,2		Quả thuôn dài	3	3,3
	Không để ý	65	72,0		Chưa thấy quả	69	76,7
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>

Với kết quả phỏng vấn và một số mẫu vật thu được có thể thấy, SLC có chiều cao có thể đạt tới 1 m nhưng thường gặp và phổ biến nhất là thấp hơn 50 cm. Lá của SLC thuộc loài cây lá rộng có dạng lá kép, mỗi lá kép thường có 5 - 7 lá chét (cây ít tuổi có 3 - 5 lá chét trên một cuống lá, cây nhiều tuổi thường 5 - 7 lá chét trên một cuống lá). Bề mặt lá

xuất hiện hai dạng: một dạng có bề mặt lá nhám và không có lông gập ở huyện Sin Hồ (Hình 1) dạng này chiều dài lá chét thường chỉ đạt tới 10 cm và dạng khác mặt lá bóng láng và có lông rất rõ gập ở huyện Phong Thổ (Hình 2) dạng này có chiều dài lá chét đạt tới 15 cm. Mép lá SLC có hình răng cưa. Quả có dạng chùm và hình tròn.



**Hình 1.** Mẫu lá SLC thu thập được tại huyện Sin Hồ - tỉnh Lai Châu



**Hình 2.** Mẫu lá SLC thu thập được tại huyện Phong Thổ - tỉnh Lai Châu

**b. Nhận dạng SLC qua màu sắc**

Thân SLC được 23,3% số người khẳng định có màu xanh và 10,0% số người khẳng định có màu đỏ tía. Lá cây được 31,1% khẳng định có màu xanh, trong khi đó có 4,4% khẳng định lá có màu xanh pha lẫn đỏ. Hoa của SLC được 14,4% số người khẳng định có màu trắng và 13,3% số người cho rằng hoa có màu đỏ. Về

màu sắc quả có 25,6% số người khẳng định có màu đỏ và chỉ có 5,6% số người khẳng định có màu xanh, khi gần chín có màu đỏ. Vỏ củ SLC được 25,6% số người khẳng định vỏ củ có màu đỏ và 11,1% khẳng định vỏ củ màu trắng. Ruột củ SLC được 27,8% số người khẳng định có màu nâu hoặc vàng và 10,0% khẳng định ruột có màu tím.

**Bảng 2.** Kết quả phỏng vấn nhận dạng các bộ phận của SLC qua màu sắc

Đặc điểm	Màu sắc	Số người nhận định	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm	Màu sắc	Số người nhận định	Tỷ lệ (%)
Thân cây	Màu xanh	21	23,3	Quả	Màu xanh	1	1,1
	Màu đỏ tía	9	10,0		Màu đỏ	23	25,6
	Màu tím	6	6,7		Màu xanh → chín đỏ	5	5,6
	Khác	54	60,0		Khác	61	67,8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
Lá	Màu xanh	28	31,1	Vỏ củ	Màu đỏ	23	25,6
	Màu xanh lẫn đỏ	4	4,4		Màu trắng	10	11,1
	Khác	58	64,4		Màu xanh	5	5,6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		Màu khác	4	4,4
Hoa	Màu xanh	7	7,8		Khác	48	53,3
	Màu đỏ	12	13,3	<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>100</b>	
	Trắng	13	14,4	Ruột củ	Màu tím/đen	9	10,0
	Màu xanh → trắng	4	4,4		Màu nâu/vàng	25	27,8
	Màu trắng → đỏ	2	2,2		Màu trắng	4	4,4
	Khác	52	57,8		Khác	52	57,8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>100</b>



Kết quả phỏng vấn kết hợp với các mẫu vật thu được ở hình (3, 4, 5 và 6) có thể nhận định SLC có ít nhất 2 dạng phổ biến, trong đó có một dạng thân màu tím và một dạng thân màu xanh, lá cây có màu xanh, hoa khi nở có màu trắng, quả lúc mới hình thành có màu xanh khi chín chuyển sang màu đỏ và ở đuôi quả có màu đen. Củ SLC thường có các đốt, mỗi đốt được người dân xác định là một năm tuổi, củ SLC thường dài và có hình dạng cong keo (Hình 6), màu sắc vỏ củ thay

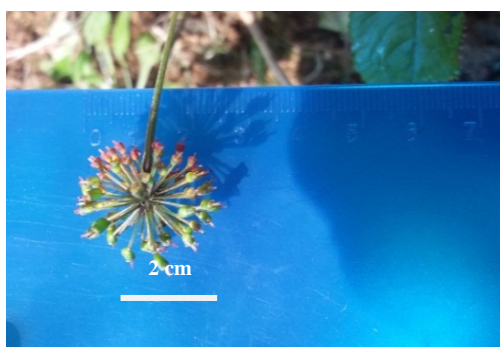
đổi tùy theo màu đất nơi tìm thấy SLC là đất đen, đất nâu đỏ, đất vàng, đất pha cát và củ nổi trên mặt đất hay nằm dưới lớp đất mặt mà màu sắc vỏ củ có màu đen, màu nâu đỏ, màu vàng hay màu xanh rêu. Theo kinh nghiệm của người dân trong khu vực, màu ruột củ là đặc điểm để nhận biết SLC có giá trị cao hay thấp. Nếu màu ruột củ có màu tím hoặc màu nâu thẫm thì có giá trị cao, nếu ruột củ có màu trắng thì loài SLC đó có giá trị thấp.



**Hình 3.** Cây SLC 3 tuổi có 4 lá kép tại Phong Thổ - Lai Châu



**Hình 4.** Thân và củ SLC 3 tuổi tại Phong Thổ - Lai Châu



**Hình 5.** Hoa và quả Sâm lai châu 3 tuổi tại Phong Thổ - Lai Châu



**Hình 6.** Củ Sâm lai châu thu tại Phong Thổ - Lai Châu

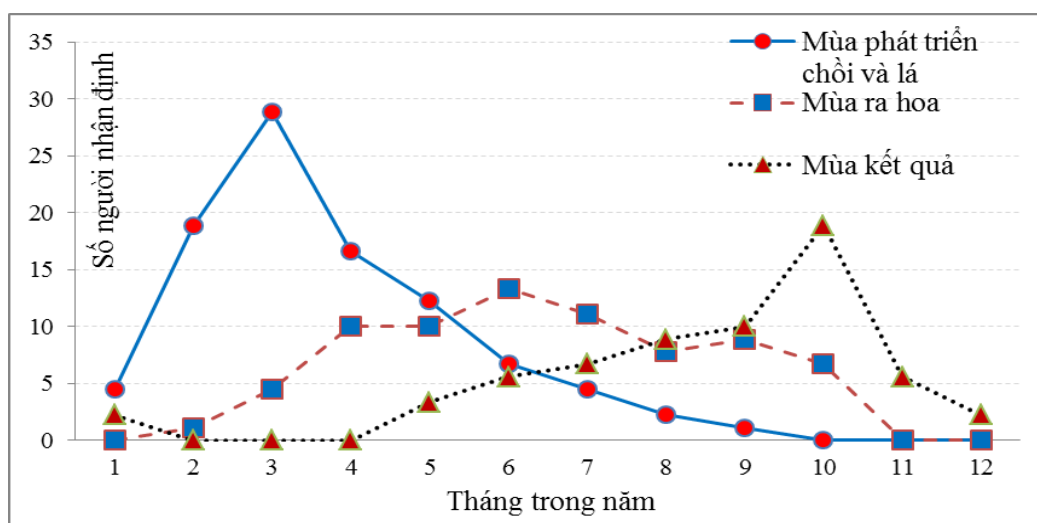
### 3.2. Tri thức bản địa về các giai đoạn phát triển của SLC

Kết quả phỏng vấn cho thấy SLC có các giai đoạn phát triển như sau: (1) SLC ra chồi và lá trong thời gian khoảng từ tháng 2 - 5, trong đó có 28,9% khẳng định SLC bắt đầu ra mầm và lá vào tháng 3; 18,9% khẳng định vào tháng 2

và có 16,7% khẳng định vào tháng 4; (2) Mùa ra hoa được người dân khẳng định kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8, trong đó có 13,3% số người khẳng định ra hoa vào tháng 6 và 11,1% số người khẳng định vào tháng 7; (3) Mùa kết quả được xác định kéo dài từ tháng 6 đến tháng 10, chi tiết như trong bảng 3.

**Bảng 3.** Kết quả phỏng vấn các giai đoạn phát triển của SLC

Tháng	Số người khẳng định					
	Mùa phát triển chồi và lá		Mùa ra hoa		Mùa kết quả	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ %
1	4	4,4	0	-	2	2,2
2	17	18,9	1	1,1	0	-
3	26	28,9	4	4,4	0	-
4	15	16,7	9	10,0	0	-
5	11	12,2	9	10,0	3	3,3
6	6	6,7	12	13,3	5	5,6
7	4	4,4	10	11,1	6	6,7
8	2	2,2	7	7,8	8	8,9
9	1	1,1	8	8,9	9	10,0
10	-	-	6	6,7	17	18,9
11	-	-	0	-	5	5,6
12	-	-	0	-	2	2,2
Khác	4	4,4	24	26,7	33	36,7
<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>	<b>90</b>	<b>100</b>	<b>90</b>	<b>100</b>



**Biểu đồ 1.** Các giai đoạn sinh trưởng của SLC theo số liệu phỏng vấn

Qua các thông tin trên và các mẫu thu được tại các địa điểm phỏng vấn có thể khẳng định mùa phát triển chồi và lá của SLC vào tháng 2 - 5 hằng năm, giai đoạn ra hoa kéo dài tháng 4 - 8 (hoa nở nhiều nhất vào tháng 6), quả được hình thành trong giai đoạn từ tháng 6 - 9 và chín rộ khoảng tháng 10 hằng năm.

**3.3. Tri thức bản địa về gây trồng SLC**

Kết quả phỏng vấn cho thấy có một số hộ gia đình trong vùng đã lấy SLC có nguồn gốc từ rừng tự nhiên về trồng với số lượng một vài cây, thậm chí có hộ đã trồng được 20 - 30 cây trong vườn hộ. Người dân thường trồng SLC bằng các nguồn vật liệu giống khác nhau. Cụ

thể có 31,1% số người được phỏng vấn đã lấy cây con từ rừng tự nhiên về trồng, trong khi đó có 10,0% số hộ lấy củ nhỏ từ rừng về trồng và có 8,9% số người lấy quả chín từ rừng về gieo. Chiều cao cây con sử dụng để trồng được 18,9% số người khẳng định tốt nhất là 10 - 20 cm và 8,9% số người khẳng định nhỏ hơn 10 cm. Thảm thực vật thích hợp nhất cho sinh trưởng

của SLC được 53,3% cho là rừng già và 30,0% cho là rừng nghèo. Độ tàn che tốt nhất cho SLC phát triển lớn hơn 0,75 (14,4% số người khẳng định) hoặc từ 0,50 - 0,75 (11,1% số người khẳng định). Đất tốt nhất để trồng SLC được 31,1% số người khẳng định đất có màu đen và có 15,56% khẳng định là đất có màu vàng.

**Bảng 4.** Kết quả phỏng vấn về gây trồng cây SLC

Yếu tố	Nhận định của người dân	Số người	Tỷ lệ (%)	Yếu tố	Nhận định của người dân	Số người	Tỷ lệ (%)
Xuất xứ về giống	Lấy cây từ rừng về trồng	28	31,1	Thảm thực vật	Rừng già	48	53,3
	Lấy củ nhỏ từ rừng về trồng	9	10,0		Rừng nghèo	27	30,0
	Lấy quả chín từ rừng về gieo	8	8,9		Nương hoa màu	15	16,7
	Mua giống (trôi nổi)	5	5,6		Không rõ		
	Khác	40	44,4		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>				
Nguồn gốc cây con	Hạt	18	20,0	Độ tàn che	Tàn che $\geq 0,75$	13	14,4
	Củ	2	2,2		Tàn che 0,50 - 0,75	10	11,1
	Không rõ nguồn gốc	8	8,9		Tàn che $\leq 0,5$	3	3,3
	Khác	62	68,9		Không có ý kiến	65	72,2
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
Tiêu chuẩn cây con	$H_{vn} < 10$ cm	8	8,9	Độ dày tầng đất	Tầng đất $\leq 10$ cm	28	31,1
	$H_{vn} = 10 - 20$ cm	17	18,9		Tầng đất 10 - 20 cm	8	8,9
	$H_{vn} > 20$ cm	7	7,8		Tầng đất $\geq 20$ cm	2	2,2
	Khác	58	64,4		Khác	52	57,8
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
Vị trí xuất hiện trong tự nhiên	Chân	16	17,8	Đất phù hợp cho SLC	Đất màu đen	28	31,1
	Sườn	24	26,7		Đất màu vàng	15	16,7
	Đỉnh	10	11,1		Đất màu đỏ	6	6,7
	Ven khe suối	23	25,6		Đất có màu khác	3	3,3
	Khác	17	18,9		Không rõ	38	42,2
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>

Như vậy, từ kết quả điều tra có thể thấy rằng, SLC sống tốt nhất trong rừng tự nhiên (môi trường tự nhiên). Ngoài ra, SLC cũng có thể sống trên các nương thảo quả và những nơi khác như vườn hộ (hình 7) hoặc trong các vật dụng chứa đất để ở nơi được che bóng (hình

8), có độ tàn che lớn hơn 0,50 trên đất có màu đen hoặc màu vàng với độ sâu hố trồng (cây hoặc củ) khoảng 5 cm. SLC có thể được trồng từ cây con lấy trong rừng hoặc từ các củ nhỏ, thậm chí là lấy quả chín trong rừng về gieo. Tuy nhiên, phần lớn người dân lấy cây con từ



rừng về trồng. Đối với cây con lấy từ rừng về trồng thì chiều cao tốt nhất để trồng khoảng 10 - 20 cm, quả tốt nhất để gieo khi đã có màu

đỏ thẫm, khi gieo người dân chỉ gieo trên mặt đất và có các vật liệu che chắn bảo vệ gia cầm và các côn trùng khác phá hoại.



**Hình 7.** SLC 3 tuổi trồng trong vườn tại Phong Thổ - Lai Châu



**Hình 8.** SLC trồng trong chậu 3 tuổi tại Phong Thổ - Lai Châu

**3.4. Tri thức bản địa về chế biến, sử dụng SLC**

Kết quả điều tra phỏng vấn cho thấy người dân địa phương hiện chưa sơ chế hoặc chế biến SLC mà chủ yếu là bán tươi (sản phẩm thô) cho những người thu gom. Cụ thể có 27,8% số người được phỏng vấn trả lời họ thường bán tươi ngay sau khi thu hái được, trong khi đó có 16,7% số người đã từng sấy khô (treo gác bếp) để dùng chữa bệnh trong gia đình và có 16,7% số người trả lời đã từng ngâm rượu để uống.

28,9% số người trả lời họ chỉ dùng riêng SLC cho cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên cũng có 10,0% số người cho rằng họ đã phối hợp SLC với một vài cây thuốc/hoặc một vài vị thuốc khác để sử dụng. Người dân cũng cho biết SLC là vị thuốc Nam nên có thể sử dụng được cả cho người trung tuổi, người già và trẻ em. Về thời điểm sử dụng có 22,2% số người trả lời nên dùng vào buổi tối, có 20,0% số người khuyên nên dùng buổi trưa và 18,9% khuyên dùng buổi sáng.

Về sử dụng sản phẩm SLC người dân trong vùng cũng đang sử dụng khá đơn giản, có

**Bảng số 6.** Kết quả phỏng vấn về chế biến và sử dụng cây SLC

Thông tin	Cách sử dụng	Số người	Tỷ lệ (%)	Thông tin	Cách sử dụng	Số người	Tỷ lệ (%)
Hiện trạng sử dụng	Bán tươi	25	27,8	Đối tượng sử dụng	Người già	30	33,3
	Sấy khô	15	16,7		Người trung tuổi	28	31,1
	Ngâm rượu	15	16,7		Trẻ em	26	28,9
	Khác	35	38,9		Khác	6	6,7
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>
Cách sử dụng	Dùng riêng	26	28,9	Thời điểm dùng trong ngày	Sáng	17	18,9
	Dùng với các cây khác	9	10,0		Trưa	18	20,0
	Không được truyền lại	55	61,1		Tối	20	22,2
					Khác	35	38,9
	<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>		<b>Tổng số</b>	<b>90</b>	<b>100</b>

SLC đã được một số dân tộc thiểu số như H'Mông, Dao dùng để điều trị, chữa trị một số bệnh như chữa vết thương ngoài da (17,8%), bồi bổ sức khỏe và nâng cao thể trạng cho người gầy ốm, da vàng, thiếu máu (13,3%), chữa bệnh đau dạ dày (12,2%),...

**Bảng 7.** Kết quả phỏng vấn về công dụng của SLC

TT	Công dụng	Số người	Tỷ lệ (%)	TT	Công dụng	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Chữa vết thương	16	17,8	8	Bệnh ho, bệnh lao	2	2,2
2	Tắm bổ (người gầy ốm, da vàng, thiếu máu)	12	13,3	9	Các bệnh ngoài da, mụn nhọt	1	1,1
3	Đau bụng (dạ dày)	11	12,2	10	Điều hòa huyết áp	1	1,1
4	Bà đẻ	11	12,2	11	Chữa rắn cắn	1	1,1
5	Đau lưng, đau khớp, thoái hóa	3	3,3	12	Tiêu chảy	1	1,1
6	Chữa ung thư	2	2,2	13	Đau tim	1	1,1
7	Lười ăn, kén ăn (tiêu hóa)	2	2,2	14	Không được truyền lại	26	28,9

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Sâm lai châu có chiều cao khoảng 50 cm (nơi đất tốt cây có thể đạt tới 1 m), là cây lá rộng có dạng lá kép, mỗi lá kép thường có 5 lá chét (cây ít tuổi có thể có 3 - 5 lá chét, cây nhiều tuổi có thể có 5 - 7 lá chét). Mép lá có hình răng cưa, quả có hình tròn dạng chùm, thân cây hiện có hai dạng một dạng thân màu xanh và một dạng thân màu đỏ tím, hoa có màu xanh khi nở có màu trắng, quả lúc đầu có màu xanh khi chín chuyển sang màu đỏ với một chấm đen.

- SLC trải qua 3 giai đoạn sinh trưởng, phát triển gồm: giai đoạn ra chồi và lá tháng 2 đến tháng 5, ra hoa tháng 4 đến tháng 8 (nở rộ vào tháng 6), hình thành quả tháng 6 đến tháng 9 và bắt đầu chín rộ vào tháng 10.

- Về gây trồng SLC có thể được trồng từ các cây con lấy trong rừng tự nhiên với chiều cao cây tốt nhất cho gây trồng khoảng 10 - 20 cm hoặc từ củ nhỏ và thậm chí sử dụng quả chín lấy từ rừng về gieo. Nơi trồng có thể trồng

trong rừng tự nhiên, trên các nương thảo quả hoặc trong vườn hộ hay các vật dụng chứa đất đảm bảo độ tàn che lớn hơn 0,5 và trên đất có màu đen hoặc màu vàng, tầng đất không cần sâu chỉ cần khoảng 10 cm.

- SLC chưa được người dân trong vùng chế biến thành các sản phẩm có tính thương mại cao, sản phẩm chủ yếu là bán tươi, chỉ một số ít hộ biết cách bảo quản để dùng cho gia đình khi cần thiết bằng cách bảo quản bằng hình thức treo gác bếp.

- SLC có khá nhiều công dụng từ chữa vết thương ngoài da, đến tắm bổ, chữa đau dạ dày, dùng cho phụ nữ sau khi sinh...

- Do có nhiều công dụng nên giá trị kinh tế hiện nay của SLC khá cao, lên tới 2 - 5 triệu đồng/lạng nên người dân địa phương vẫn thường vào rừng tìm kiếm và khai thác triệt để dẫn đến nguy cơ cao mất đi nguồn gen loài cây này. Vì vậy, các cơ quan chức năng địa phương cần phổ biến để người dân cùng tham gia bảo vệ và hạn chế khai thác tận diệt.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tập, 2005. “Các loài thuộc chi *Panax* L ở Việt Nam” Tạp chí Dược liệu (Hà Nội), 10 (3): 71 - 76.
2. Nguyễn Thị Phương Trang, Nguyễn Thị Hồng Mai, Zhuravlev Yury N, Reunova Galina D, 2016. “Giải mã trình tự gen RBCL, RPOB của Sâm lai châu (*Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus* K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai) và Sâm ngọc linh *Panax vietnamensis* Ha & Grushv) làm cơ sở so sánh khoảng cách di truyền”. Tạp chí Sinh học, 39(1): 80 - 85.
3. Phan Ke Long, Le Thanh Sơn, Phan Ke Loc, Vu Dinh Duy and Pham Van The 2013. Lai Chau ginseng *Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus* K. Komatsu, S. Zhu & S.Q. Cai.I. morphology, ecology, distribution and conservation status”, Báo cáo khoa học hội thảo VAST - KAST lần thứ II về đa dạng sinh học và các chất có hoạt tính sinh học, tr. 65 - 73. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ
4. [http://www.laichau.gov.vn/view/cac - don - vi - hanh - chinh - tinh/huyen - phong - tho - 5190?mid = 823;](http://www.laichau.gov.vn/view/cac-don-vi-hanh-chinh-tinh/huyen-phong-tho-5190?mid=823)
5. <http://sokhdt.laichau.gov.vn/sites/default/files/lc.pdf>
6. [http://yhocbandia.vn/tri - thuc - ban - dia.html.](http://yhocbandia.vn/tri-thuc-ban-dia.html)

**Email tác giả chính:** thanhson.fsiv@gmail.com

**Ngày nhận bài:** 20/11/2018

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:** 09/12/2018

**Ngày duyệt đăng:** 24/12/2018